

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**Bản án số: 08 /2021/HNGĐ-ST**

**Ngày: 13/4/2021**

**V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Chức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:** Ông Từ Quốc Quyền- Kiểm sát viên.

Ngày 13/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 26/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Minh T, sinh năm 1991; Trú tại: Tổ dân phố Tân B, phường An L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ dân phố Tân B, phường An L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Minh T trình bày:* Tôi và anh Lê Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/3/2015 tại UBND phường An L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 12 năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, phó mặc việc chăm sóc con cái cho tôi, không lo làm ăn phát triển kinh tế. Đến tháng 10 năm 2016 tôi đã cho anh Đ cơ hội để chung sống làm ăn nuôi dưỡng con cái nhưng

anh Đ vẫn chứng nào tật nấy, không lo làm ăn, chơi bời nhậu nhẹt, ở địa phương anh Đ là đối tượng nghiện hút ma túy, tôi đã nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả. Chúng tôi đã ly thân từ đầu tháng 10 năm 2020 cho đến nay, tôi đã chuyển về sống cùng với mẹ đẻ. Chúng tôi không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, hiện nay tôi không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với anh Đ nữa. Nguyên vọng của tôi là mong muốn Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và anh Đ có 01 con chung tên Lê Thanh Th, sinh ngày 14/12/2015. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Th đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), tại phiên toà hôm nay tôi xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày:* Tôi và cô Ngô Thị Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2015 tại UBND phường An L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống chúng tôi chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, giữa tôi và cô T có mâu thuẫn là do trong thời gian từ ngày 09/9/2020 tôi có tái sử dụng chất ma túy nên cô T không chịu được việc sử dụng chất ma túy của tôi nên cô T đã đề nghị ly hôn và đã về bên nhà bố mẹ đẻ để sinh sống và quyết tâm ly hôn với nhau. Nay cô T xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn vì trong lòng tôi còn rất yêu vợ con, tôi chỉ tái sử dụng ma túy, trong thời gian một tháng kể từ khi tái lại tôi đã tự mua thuốc uống và đã cai nghiện thành công, hiện nay tôi không còn nghiện ma túy nữa. Tôi mong quý tòa cho tôi cơ hội để tôi chuộc lại lỗi lầm mà tôi đã gây ra và mong muốn hòa giải để vợ tôi tha thứ lỗi lầm mà tôi đã gây ra để tôi có cơ hội làm lại cuộc đời làm một người chồng, người cha tốt. Trong thời gian không nghiện ma túy thì tôi là người chồng, người cha tốt, tôi mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái.

Về con chung, quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung tên Lê Thanh Th, sinh ngày 14/12/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cô T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án xét thấy anh Đ là người nghiện ma túy, cần có thời gian cai nghiện, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Đ và giao con chung cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi), do chị T không yêu cầu nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1]**Về thẩm quyền giải quyết:** HĐXX xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 48; Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vắng mặt lần thứ hai, việc cố tình vắng mặt của anh Đ là tự mình đã từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý của việc giải quyết vắng mặt; vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **- [3]Về nội dung tranh chấp:**

[3.1] *Về hôn nhân:* Chị T và anh Đ xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/3/2015 tại UBND phường An L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do anh Đ nghiện ma túy nên ảnh hưởng đến gia đình vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống chung không phù hợp xảy ra cãi vã, bất đồng ý kiến và đã sống ly thân từ đầu tháng 10/2020 cho đến nay. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết thì anh Đ mong muốn được đoàn tụ với chị T nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần, chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được nữa. Hơn nữa qua xác minh tại địa phương nơi các bên cư trú đã xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng dẫn đến chị T yêu cầu ly hôn là do anh Đ nghiện ma túy cho nên vợ chồng không thể sống chung với nhau được. Xét yêu cầu ly hôn của chị T thì thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại cả hai đều còn trẻ nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T để tạo điều kiện cho cả hai có một cuộc sống riêng phù hợp hơn quy định tại Điều 51, Điều 54, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*[3.2] Về con chung:* Quá trình chung sống chị T và anh Đ có 01 con chung tên Lê Thanh Th, sinh ngày 14/12/2015, mặc dù anh Đ không muốn ly hôn, nhưng trường hợp Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì các bên đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét yêu cầu của các bên về việc nuôi dưỡng con chung thì thấy rằng con chung hiện đang còn nhỏ, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, đồng thời để con chung được nuôi dưỡng và phát triển về mọi mặt, hiện tại anh Đ là người nghiện ma túy, cần có thời gian cai nghiện, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu đây là sự tự nguyện định đoạt của chị T nên cần chấp nhận không đặt ra để xem xét giải quyết, anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

*[3.3] Về tài sản chung và công nợ chung:* Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết theo quy định Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[4] Về án phí:** Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Minh T.

- *Về hôn nhân:* Cho chị Ngô Thị Minh T được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Thanh Thông, sinh ngày 14/12/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); chị T không yêu cầu nên anh Đ không phải trợ cấp nuôi con chung cho chị T. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và công nợ chung:* Các bên không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Ngô Thị Minh T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0015642 ngày 02/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- UBND p. An Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**HOÀNG MINH CHỨC**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HOÀNG MINH CHÚC

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 13/ 4/ 2021.

Tại trụ sở TAND thị xã Buôn Hồ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân: : Bà Hoàng Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Minh T, sinh năm 1991; Trú tại: Tổ dân phố Tân Bình, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ dân phố Tân Bình, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

### HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử biểu quyết, quyết định các vấn đề sau:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về căn cứ pháp luật áp dụng: - Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 48; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Các quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Minh T.

- *Về hôn nhân*: Cho chị Ngô Thị Minh T được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Lê Thanh Thông, sinh ngày 14/12/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), chị T không yêu cầu nên anh Đ không phải trợ cấp nuôi con chung cho chị T. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết. Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0015642 ngày 02/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ. Kết quả biểu quyết: 3/3.

Bà cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Kết quả biểu quyết các vấn đề trên 3/3, không có ý kiến khác.

Nghị án kết thúc vào lúc 09 giờ 30 phút cùng ngày và đã được thông qua tại phòng nghị án.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HOÀNG MINH CHÚC